TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒAXÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Năm.

Ông Trần Quốc.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Tuyết Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 451/2019/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Hồng M, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện UM, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Trần Công H, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện TT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 02/7/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Hồng M trình bày: Chị và anh H tự nguyện kết hôn năm 2013 và có đăng ký kết hôn đúng quy định. Nguyên nhân mâu thuẫn do thời gian chung sống anh H ăn chơi cờ bạc nên phát sinh mâu thuẫn cự cải thì anh H đánh chị nhiều lần và vợ chồng đã ly thân hơn 05 tháng nay. Gia đình hai bên có hàn gắn tình cảm cho anh chị nhiều lần nhưng anh H không sửa đổi. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Trần Thế A, sinh ngày 29/11/2014 và Trần Huỳnh A, sinh ngày 14/8/2016. Hiện chị đang nuôi dưỡng cháu Huỳnh A; cháu Thế A do anh H đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn thỏa thuận giữ y việc nuôi con. Cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có.

- Tại biên bản H giải ngày 05/8/2019 bị đơn anh Trần Công H trình bày: Về thời gian kết hôn và có đăng ký kết hôn như chị M trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh xác định trong quá trình chung sống anh có nhậu nhẹt và cờ bạc dẫn đến thiếu nợ nên vợ chồng cự cải và anh có đánh chị M 03 lần bằng tay không gây thương tích gì cho chị M. Gia đình hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng vợ chồng không chung sống lại được. Nay anh còn thương yêu vợ con nên xin đoàn tụ.

Về con chung theo chị M trình bày trên là đúng. Nếu Tòa án cho ly hôn thì đồng ý theo yêu cầu của chị M

Về tài sản chung anh thống nhất tự thỏa thuận phân chia và nợ chung là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị M và anh H tự nguyện kết hôn năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện UM, tỉnh Cà Mau ngày 11/9/2013 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Quá trình chung sống anh H có nhiều hành vi uống rượu, cờ bạc nên dẫn đến vợ chồng cự cải và anh H có đánh chị M 03 lần. Chị M và anh H đã ly thân hơn 05 tháng nay gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng anh chị vẫn không chung sống hạnh phúc lại được. Nay chị M yêu cầu ly hôn; anh H xin đoàn tụ. Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà H giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*". Đối chiếu điều luật viện dẫn trên, Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình chung sống anh H có nhiều hành vi bạo lực gia đình đối với chị M; anh H là người đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M là đúng quy định của pháp luật.

[3] Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Trần Thế A, sinh ngày 29/11/2014 và Trần Huỳnh A, sinh ngày 14/8/2016. Hiện chị đang nuôi

dưỡng cháu Huỳnh A; cháu Thế A do anh H đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh chị thống nhất giữ y việc nuôi con. Xét sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh chị không đặt ra yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M. Cho chị Phạm Hồng M được ly hôn với anh Trần Công H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thế A, sinh ngày 29/11/2014 cho anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Huỳnh A, sinh ngày 14/8/2016 cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh chị không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình chị M phải chịu 300.000 đồng, chị dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0003394 ngày 08/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu, chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã K, UM (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T/M:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên